

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản số: 279 /2023/HNGĐ-ST

Ngày: 07-9-2023

Về việc: “Xin ly hôn...” .

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH BÌNH ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Bích Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Nhật Tân và ông Đặng Văn Thái

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Trần Trọng Khánh – Cán bộ Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định.

- Đại diện VKSND huyện T tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hoài – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 189/2023/TLST-HNGĐ, ngày 20-7-2023, về việc: “Xin ly hôn, tranh chấp nuôi con”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 239/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 22 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Trần Thị H, sinh năm 1993, có mặt.**

Địa chỉ: Thôn C xã Ph, huyện T, tỉnh Bình Định.

Bị đơn **Võ Văn Ch, sinh năm 1990, có đơn xin vắng mặt.**

Địa chỉ: Thôn C xã Ph, huyện T, tỉnh Bình Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 01 tháng 06 năm 2023, tại các bản khai và tại phiên tòa hôm nay Nguyên đơn chị Trần Thị H trình bày: Giữa chị với anh Võ Văn Ch tự tìm hiểu và kết hôn vào năm 2016, đăng ký kết hôn tại UBND xã Ph vào ngày 26-5-2016. Trong quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc, được 7 năm thì phát sinh mâu thuẫn do có những quan điểm khác biệt trong cuộc sống cũng như cách nuôi dạy con cái. Mặc dù đã được gia đình hai bên khuyên ngăn hòa giải, nhưng vợ chồng chị vẫn không tìm được tiếng nói chung. Vì vậy hiện nay chị H nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn nên chị xin ly hôn anh Ch. Về quan hệ nuôi con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung tên là Võ Trần Anh Th1, sinh ngày 14-3-2016 và Võ Trần Anh Kh, sinh ngày 14-9-2020, hiện hai con

đang ở cùng anh Ch. Nay ly hôn chị H xin nuôi cháu Kh, giao cháu Th1 cho anh Ch nuôi, chị không yêu cầu anh Ch cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên tại phiên tòa chỉ thống nhất giao hai con cho anh Ch trực tiếp nuôi dưỡng. Về quan hệ tài sản chung: Chị H khai không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa giải quyết. Ngoài ra chị H không khai và không yêu cầu gì khác.

Đối với bị đơn Võ Văn Ch có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa nhưng có ý kiến trình bày như sau: Anh thống nhất với phần trình bày của chị H về quan hệ hôn nhân và mâu thuẫn vợ chồng, nay chị H yêu cầu được ly hôn với anh thì anh đồng ý. Về quan hệ nuôi con chung: Vợ chồng anh có 02 con chung tên là Võ Trần Anh Th1, sinh ngày 14-3-2016 và Võ Trần Anh Kh, sinh ngày 14-9-2020, hiện các con đang ở cùng với anh. Nay ly hôn anh yêu cầu được nuôi cả hai con, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con. Về quan hệ tài sản chung: Anh Ch khai không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa giải quyết. Ngoài ra anh Ch không khai và không yêu cầu gì khác.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định:

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến phiên tòa hôm nay, Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân thủ đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Đề nghị Hội đồng xét xử cho chị H ly hôn anh Ch. Về quan hệ nuôi con chung: Giao hai con chung Võ Trần Anh Th1, sinh ngày 14-3-2016, cho anh Ch trực tiếp nuôi dưỡng, hiện các con đang ở cùng với anh Ch. Anh Ch và chị H không yêu cầu cấp dưỡng nên đề nghị Tòa không xét. Về quan hệ tài sản chung: Chị H và anh Ch khai không có tài sản chung, không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Tòa không xét. Về nợ chung: Chị H và anh Ch khai không có nợ chung, không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Tòa không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Ch là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn là anh Võ Văn Ch cư trú tại Thôn C xã Ph, huyện T, tỉnh Bình Định nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Võ Văn Ch có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của BLTTDS, vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

[2].1 Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị H thì Hội đồng xét xử thấy rằng: Giữa chị Trần Thị H và anh Võ Văn Ch tự tìm hiểu và kết hôn vào năm 2016, đăng ký kết hôn tại UBND xã Ph vào ngày 26-5-2016. Trong quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc, được 7 năm thì phát sinh mâu thuẫn do có những quan điểm khác biệt trong cuộc sống cũng như cách nuôi dạy con cái. Mặc dù đã được gia đình hai bên khuyên ngăn hòa giải, nhưng vợ chồng chị vẫn không tìm được tiếng nói chung. Hiện nay chị H và anh Ch đã ly thân được 4 tháng, nhận thấy tình cảm vợ chồng chị H, anh Ch không còn, không thể hàn gắn nên chị xin ly hôn anh Ch thì anh Ch đồng ý. Mặc dù anh Ch đồng ý ly hôn mà vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn của anh Ch và chị H đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên Tòa cho chị H ly hôn anh Ch.

[2].2 Về quan hệ nuôi con chung: Chị H và anh Ch có 02 con chung tên là Võ Trần Anh Th1, sinh ngày 14-3-2016 và Võ Trần Anh Kh, sinh ngày 14-9-2020, hiện các con đang ở cùng với anh Ch. Trước đây chị H xin nuôi cháu Kh, giao cháu Th1 cho anh Ch nuôi dưỡng. Tuy nhiên tại phiên tòa chị H thống nhất giao hai con cho anh Ch trực tiếp nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy cháu Th1 mong muốn ở cùng anh Ch, và nguyện vọng của chị H nên giao cháu Th1 và cháu Kh cho anh Ch trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Anh Ch không yêu cầu cấp dưỡng nên Tòa không xét.

[2].3 Về tài sản chung và nợ chung: Chị H và anh Ch khai không có tài sản chung, không yêu cầu giải quyết, nên Tòa không xét. Về nợ chung: Chị H và anh Ch khai không có nợ chung, không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Tòa không xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn để sung vào Ngân sách Nhà nước. Tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp được khấu trừ vào án phí.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, 35, 39, 228 BLTTDS; Điều 51, 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Trần Thị H ly hôn anh Võ Văn Ch.

[2] Về quan hệ nuôi con chung: Giao hai con chung của chị H và anh Ch tên là Võ Trần Anh Th1, sinh ngày 14-3-2016, Võ Trần Anh Kh, sinh ngày 14-9-2020 cho anh Ch trực tiếp nuôi dưỡng, hiện các cháu đang ở cùng với anh Ch. Về cấp dưỡng nuôi con: Tòa không xét. Bên không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản. Khi cần thiết các bên có quyền làm đơn xin thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như tiền cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về quan hệ tài sản chung: Tòa không xét.

[4] Về án phí DSST: Buộc chị H phải chịu 300.000đ về án phí ly hôn sung vào Ngân sách Nhà nước. Tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0001643, ngày 20-7-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T được khấu trừ vào tiền án phí.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại Tòa được quyền kháng cáo Bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 07-9-2023). Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết hoặc tổng đạt hợp lệ.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành. Nếu bên phải thi hành không thực hiện nghĩa vụ đã tuyên thì bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS năm 2015 tương ứng thời gian chậm thi hành.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- Các bên đương sự
- VKSND huyện T
- Chi cục THADS huyện T
- Phòng GD&ĐT TAND tỉnh Bình Định .
- UBND xã Ph
- Số 37, ngày 26/5/2016)
- Lưu hồ sơ .

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Bích Thủy